

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **107/2018/DS-ST**

Ngày: 10/04/2018

V/v “*Đòi lại tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên;**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

+ Ông **Võ Văn Chiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 341/2017/TLST-DS ngày 03/10/2017 về việc “*Đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXX- ST ngày 01 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN HỮU N** – sinh năm: 1959 (có mặt)

Trú tại: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **DƯƠNG VĂN NGỌC D** – sinh năm 1974 (có mặt)

Trú tại: Ấp M, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:** do quen biết ông có cho anh D vay số tiền tổng cộng là 448.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 11/2/2009 anh D ký tên vay 10.000.000 đồng, sau đó ngày 18/2/2009 anh D vay thêm 10.000.000 đồng, ngày 10/3/2009 vay 10.000.000 đồng, ngày 20/3/2009 vay 15.000.000 đồng, ngày 25/6/2009 vay 9.000.000 đồng, ngày 12/9/2009 vay 16.000.000 đồng. Tổng cộng là 70.000.000 đồng.

- Ngày 15/9/2009 anh D ký tên nhận 30.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 28/9/2009 anh D vay 20.000.000 đồng, ngày 4/9/2009 vay 5.000.000 đồng, ngày 23/10/2009 vay 15.000.000 đồng, ngày 01/12/2009 vay 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 85.000.000 đồng.

Những lần anh D vay tiền sau thì ông ghi số tiền anh D nhận vào hai biên nhận trên. Khi ghi ông có nói anh D và anh D đồng ý.

- Ngày 09/01/2010 anh D ký tên vay 178.000.000 đồng, số tiền này ông cho anh D vay nhiều lần trước đó. Đến ngày 29/02/2010 anh D vay thêm 10.000.000 đồng, ông ghi thêm vào biên nhận. Tổng cộng 188.000.000 đồng.

- Ngày 25/8/2010 anh D ký tên nhận 105.000.000 đồng. Đây là số tiền hui anh D nhờ ông vô dùm, khi hót hui ông đưa cho anh D mượn. Anh D hứa mỗi tháng trả ông 5.000.000 đồng nhưng chỉ trả 7.500.000 đồng, còn nợ lại 97.500.000 đồng.

Nay anh D còn nợ ông 440.500.000 đồng. Ông yêu cầu anh D trả cho ông số tiền 440.500.000 đồng, không tính lãi, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn anh Dương Văn Ngọc D trình bày:** Năm 2009 anh bắt đầu vay tiền của ông N, vay nhiều lần đến ngày 09/01/2010 ông N tổng kết số tiền là 178.000.000 đồng và anh ký tên vào biên nhận. Ngày 25/8/2010 anh có mượn ông N số tiền hui 105.000.000 đồng nhưng chỉ nhận 45.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng anh đưa ông N để phụ tiền lãi. Phần 60.000.000 đồng anh phụ tiền lãi anh không có yêu cầu gì. Tổng số tiền anh nợ ông N là 283.000.000 đồng, đã trả 7.500.000 đồng, còn nợ 275.500.000 đồng, xin trả dần cho đến khi hết nợ.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: ông N khởi kiện yêu cầu anh D trả số tiền 448.000.000 đồng, đây là tiền ông N cho anh D vay vào năm 2009, 2010. Tại phiên tòa hôm nay ông N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.500.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu đối với số tiền 7.500.000 đồng.

Đối với số tiền 440.500.000 đồng ông N yêu cầu anh D trả theo các biên nhận mà ông cung cấp. Biên nhận ngày 11/2/2009 anh D thừa nhận có nhận 30.000.000 đồng, biên nhận ngày 15/9/2009 anh D thừa nhận có nhận 30.000.000 đồng, còn số tiền ghi thêm vào biên nhận anh không biết, ông N không có gì chứng minh số tiền ghi thêm vào biên nhận anh D đã nhận nên xác nhận hai biên nhận trên anh D nợ ông N 60.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 09/01/2010 anh D thừa nhận có nợ ông N 178.000.000 đồng sau nhiều lần vay tiền ông N hơn tổng kết nợ là 178.000.000 đồng và anh cho rằng số tiền 178.000.000 đồng là do ông N cộng của biên nhận ngày 11/2/2009 và biên nhận ngày 15/9/2009. Ông N không đồng ý, còn số tiền ghi thêm vào biên nhận ngày 29/2/2010 anh không biết. Do đó có cơ sở xác định anh D còn nợ lại ông N 178.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 25/8/2010 anh D thừa nhận còn mượn ông N 105.000.000 đồng trả được 7.500.000 đồng, còn lại 97.500.000 đồng. Như vậy tổng số tiền anh D còn nợ ông N là 335.500.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Hữu N khởi kiện yêu cầu anh Dương Văn Ngọc D trả số tiền 448.000.000 đồng trên cơ sở hai bên bắt đầu thực hiện giao dịch vào năm 2009. Đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 xác định đây là tranh chấp “Đòi lại tài sản” nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Anh Dương Văn Ngọc D cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình đối với số tiền 7.500.000 đồng, chỉ yêu cầu anh D trả 440.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông N là tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin rút 7.500.000 đồng của ông N theo khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ông N khởi kiện yêu cầu anh D trả số tiền 440.500.000 đồng. Anh D chỉ thừa nhận còn nợ ông N 275.500.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là ông N cung cấp cho Tòa án các biên nhận ngày 11/02/2009, 15/9/2009, 09/01/2010 và 25/8/2010 có chữ ký của anh D. Xem xét các biên nhận ông N cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Đối với biên nhận ngày 11/02/2009 và 15/9/2009 ông N cho rằng sau khi nhận số tiền vay lần đầu thì anh D ký tên vào biên nhận, sau đó anh D vay thêm tiền, ông đưa tiền cho anh D, những lúc đó không có làm biên nhận nên ông ghi thêm vào hai biên nhận, khi ghi thì ông có nói anh D biết, anh D không có ý kiến gì. Anh D thừa nhận biên nhận ngày 11/02/2009 anh nhận 30.000.000 đồng, biên nhận ngày 15/9/2009 anh nhận 30.000.000 đồng, tổng cộng 60.000.000 đồng, còn số tiền ông N ghi thêm thì anh không biết vì anh vay tiền của ông N nhiều lần. Hội đồng xét xử xét thấy biên nhận ngày 11/02/2009 và ngày 15/9/2009 ông N ghi thêm thời gian và số tiền vay, anh D không có ký tên và cũng không thừa nhận. Ông N không có gì chứng minh những số tiền ghi thêm vào biên nhận là ông đưa cho anh D. Do đó xác định biên nhận ngày 11/02/2009 và ngày 15/9/2009 anh D nợ ông N số tiền **60.000.000** đồng.

[6] Đối với biên nhận ngày 09/01/2010, ông N cho rằng sau khi anh D vay tiền nhiều lần thì hai bên tổng kết số tiền nợ là 178.000.000 đồng và làm biên nhận. Phía anh D cho rằng số tiền 178.000.000 đồng là của biên nhận ngày 11/02/2009 và ngày 15/9/2009 sau khi tổng kết nợ nhưng anh không có gì chứng minh. Ông N không thừa

nhận mà cho rằng số tiền 178.000.000 đồng là của hai biên nhận khác. Bên cạnh đó biên nhận còn ghi thêm ngày 29/02/2010 lấy thêm 10.000.000 đồng, anh D không thừa nhận số tiền này. Do đó xác định biên nhận ngày 09/01/2010 anh D nợ ông N số tiền **178.000.000** đồng.

[7] Đối với biên nhận ngày 25/8/2010 anh D thừa nhận có nợ ông N số tiền 105.000.000 đồng, trả góp được 7.500.000 đồng, còn nợ lại 97.500.000 đồng, ông N thừa nhận đối với biên nhận này anh D còn nợ lại ông số tiền **97.500.000** đồng nên Hội đồng xét xử không phân tích gì thêm.

Do đó tổng số tiền anh D còn nợ ông N là 60.000.000 đồng + 178.000.000 đồng + 97.500.000 đồng = **335.500.000** đồng. Vì vậy ông N yêu cầu anh D trả số tiền 440.500.000 đồng là không có cơ sở mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc anh D có trách nhiệm trả cho ông N số tiền là **335.500.000** đồng.

[8] Về tiền lãi: anh D trình bày là trả cho ông N số tiền lãi 60.000.000 đồng. Anh D và ông N không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về thời gian trả: anh D xin trả dần mỗi năm 40.000.000 đồng, ông N không đồng ý mà yêu cầu anh D trả tiền một lần là có cơ sở nên cần buộc anh D trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 335.500.000 đồng.

Ông N phải chịu án phí đối với số tiền không chấp nhận là 105.000.000 đồng theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 280, Điều 290, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N đối với số tiền 7.500.000 đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N.

Buộc anh Dương Văn Ngọc D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu N số tiền **335.500.000** đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) .Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày **ông N** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **anh D** không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng **anh D** còn phải trả **ông N** số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí:

+ Anh Dương Văn Ngọc D phải nộp **16.775.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Hữu N phải chịu **5.250.000** đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.480.000 theo biên lai số 35725 ngày 3/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên ông được hoàn lại 230.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Cẩm Tiên